

MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA TRONG XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA THÀNH PHỐ HÀ NỘI ĐẾN NĂM 2030 TỪ GÓC ĐỘ LOGISTICS

TS. Nguyễn Ngọc Long

Trường Đại học Hòa Bình

Tác giả liên hệ: nguyenngoclang1954@gmail.com

Ngày nhận: 31/7/2023

Ngày nhận bản sửa: 10/9/2023

Ngày duyệt đăng: 21/12/2023

Tóm tắt

Hà Nội - Thủ đô là trái tim của cả nước, trung tâm chính trị - hành chính quốc gia và là trung tâm lớn về văn hóa, giáo dục - đào tạo, y tế, du lịch, thể thao, khoa học và công nghệ, kinh tế và giao dịch quốc tế, một động lực phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và cả nước. Thủ đô Hà Nội, trong những năm qua, đã quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 06/01/2012 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội giai đoạn 2011 - 2020: kinh tế tăng trưởng khá, GRDP đạt bình quân 6,83%/năm, quy mô, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, môi trường đầu tư kinh doanh, hạ tầng kinh tế được cải thiện. Bên cạnh những kết quả đạt được, Hà Nội vẫn còn nhiều yếu kém, hạn chế cần được khắc phục. Hà Nội là đô thị đặc biệt - thành phố lớn nhất của cả nước, nhưng nhiều tiềm năng, lợi thế của Thủ đô vẫn chưa được khai thác, phát huy đầy đủ. Hà Nội chưa thể hiện rõ vai trò là trung tâm, động lực tăng trưởng và phát triển của vùng đồng bằng sông Hồng và của cả nước. Để khai thác tốt tiềm năng, lợi thế của Thủ đô Hà Nội, làm đầu tàu lôi kéo sự phát triển chung của cả nước, cần phải nghiên cứu khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế để phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội thành phố Hà Nội tương xứng với vị thế của Thủ đô. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi xin khái quát nghiên cứu về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội để làm rõ lợi thế, tiềm năng và những vấn đề đặt ra trong xuất, nhập khẩu hàng hóa của thành phố Hà Nội đến năm 2030 từ góc độ logistics.

Từ khóa: Điều kiện tự nhiên, xuất, nhập khẩu thành phố Hà Nội, góc độ logistics.

Key Issues in the Import - Export of Goods in Hanoi towards 2030: A Logistics Perspective

Dr. Nguyen Ngoc Long

Hoa Binh University

Corresponding Author: nguyenngoclang1954@gmail.com

Abstract

Hanoi, the capital city of Vietnam, serves as the political, administrative, cultural, educational, healthcare, tourism, sports, scientific, technological, economic, and international trading center. It is a driving force for development in the Red River Delta region and the entire country. Over the years, Hanoi has effectively implemented Resolution No. 11 - NQ/TW dated January 6, 2012, of the Politburo, which outlines the direction and

tasks for the development of Hanoi during the 2011 - 2020 period. The city has achieved satisfactory economic growth, with an average GRDP growth rate of 6.83% per year, positive shifts in the scale and economic structure, improved investment environment, and enhanced economic infrastructure. Despite these achievements, Hanoi still faces various limitations and challenges that need to be addressed. As the largest urban area in the country, Hanoi possesses untapped potential and advantages that have yet to be fully exploited and utilized. It has not fully demonstrated its role as the center and driving force for growth and development in the Red River Delta region and the nation as a whole. To effectively harness the potential and advantages of Hanoi, and to ensure it leads the overall development of the country, it is necessary to conduct research on efficiently exploiting the city's potential and advantages to develop its economy, culture, and society in line with its capital status. In this article, we provide a general overview of the natural, socio-economic conditions to elucidate the advantages, potential, and key issues in the import-export of goods in Hanoi until 2030 from a logistics perspective.

Keywords: *Natural conditions, import - export in Hanoi, logistics perspective.*

1. Đặt vấn đề

Những năm qua và đặc biệt là năm 2022, xuất nhập khẩu thủ đô Hà Nội đã đạt được những kết quả tích cực, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt trên 58 tỷ USD, tăng 14,9% so với năm 2021, trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 17,1 tỷ USD, tăng 10,3%; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 40,9 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm 2021 (năm 2021, tăng 20,6%). Kết quả đạt được có sự đóng góp quan trọng của ngành thương mại - logistics, đã khai thác được phần nào điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội cùng với mở cửa thị trường dịch vụ logistics đã đóng góp tích cực và nâng cao vai trò của ngành logistics trong thúc đẩy xuất, nhập khẩu hàng hóa thành phố Hà Nội. Bên cạnh đó, hoạt động xuất nhập khẩu của thành phố Hà Nội vẫn còn một số hạn chế: cơ sở hạ tầng phục vụ cho xuất nhập khẩu, cũng như sự kết nối hạ tầng thương mại, hạ tầng logistics, hạ tầng công nghệ thông tin... còn khá yếu nên xuất nhập khẩu hàng hóa chưa đạt được

kỳ vọng của Hà Nội - trung tâm kinh tế, văn hóa, xã hội của cả nước.

Thực tế, tiềm năng xuất, nhập khẩu của Hà Nội còn nhiều, nhưng cần có những giải pháp đúng, kịp thời và có tư duy logistics trong thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa, phát huy hết lợi thế, tiềm năng của thành phố Hà Nội và phát triển đồng bộ hệ thống logistics - thương mại - giao thông vận tải - công nghệ thông tin cho phát triển xuất, nhập khẩu. Vì vậy, nghiên cứu này nhằm mục tiêu luận giải bước đầu cơ sở của các giải pháp thúc đẩy xuất, nhập khẩu hàng hóa của thành phố Hà Nội đến năm 2030 từ góc độ logistics, tư duy logistics - tư duy kết nối - tư duy hiệu quả trong thúc đẩy xuất, nhập khẩu.

2. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội

2.1. Vị trí địa lý - điều kiện tự nhiên

Thành phố Hà Nội là Thủ đô của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, có ưu thế đặc biệt hơn các địa phương khác trong cả nước. Hà Nội là trái tim của cả nước, đầu não chính trị

- hành chính quốc gia, trung tâm lớn về văn hóa, khoa học, giáo dục, kinh tế và giao dịch quốc tế. Thành phố Hà Nội có vị trí thuận lợi, nằm ở phía Tây Bắc vùng đồng bằng sông Hồng, nơi hội tụ điều kiện tự nhiên thuận lợi để phát triển xứng tầm trung tâm chính trị, văn hóa - kinh tế, khoa học và công nghệ, giáo dục, đào tạo lớn của cả nước [1].

Với vị trí từ 20°53' đến 21°23' vĩ độ Bắc và 105°44' đến 106°02' kinh độ Đông, tiếp giáp với 8 tỉnh: phía Bắc giáp tỉnh Thái Nguyên và Vĩnh Phúc; phía Nam giáp tỉnh Hà Nam và Hòa Bình; phía Đông giáp tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh và Hưng Yên; phía Tây giáp tỉnh Hòa Bình và Phú Thọ. Hà Nội có vị trí địa lý thuận lợi, là đầu mối giao thương liên hoàn bằng đường bộ, đường sắt, đường hàng không và đường sông tỏa đi các vùng khác trong cả nước và đi quốc tế. Hà Nội là đầu mối giao thông của 5 tuyến đường sắt: Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh; Hà Nội - Lạng Sơn; Hà Nội - Lào Cai; Hà Nội - Hải Phòng và Hà Nội - Thái Nguyên. Các tuyến đường bộ quốc lộ 1A, quốc lộ 5, quốc lộ 18, đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Quảng Ninh... Đường hàng không được nối với nhiều quốc gia và tỉnh, thành trong cả nước. Đây là điều kiện thuận lợi để Hà Nội phát triển mạnh giao thương, buôn bán với các tỉnh, thành trong nước, với các nước trong khu vực và trên thế giới.

Hà Nội được hình thành từ châu thổ sông Hồng, nét đặc trưng của vùng địa lý thành phố Hà Nội là “Thành phố sông hồ” hay “Thành phố trong sông”. Nhờ các con sông lớn nhỏ đã chảy miệt mài hàng vạn năm đem phù sa về bồi đắp nên vùng châu thổ phì nhiêu này. Hiện

nay, có 8 con sông chảy qua Hà Nội: sông Hồng, sông Đuống, sông Đà, sông Nhuệ, sông Đáy, sông Cà Lồ, sông Tích, sông Bùi.

Hà Nội, nằm trong vùng nhiệt đới gió mùa, khí hậu có đặc trưng nổi bật là gió mùa ẩm, nóng; mùa hè nóng ẩm mưa nhiều, nhiệt độ trung bình 30°C; lạnh về mùa đông, lạnh rõ rệt so với mùa hè, chênh lệch nhiệt độ lên tới 120°C. Trung bình tháng lạnh nhất khoảng 15°C. Tổng số giờ nắng trên 1.300 giờ/năm, nhiệt độ trung bình năm 25,3°C, độ ẩm trung bình 80 - 82%. Lượng mưa trung bình trên 1.700 - 1.800mm/năm [2].

2.2. Nguồn tài nguyên thiên nhiên

- *Tài nguyên đất*: Hà Nội có diện tích tự nhiên 3.359,8 km², có 2 nhóm đất có ý nghĩa lớn nhất đối với phát triển kinh tế - xã hội, đó là đất nông lâm nghiệp và đất xây dựng. Đất nông, lâm nghiệp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng số diện tích đất của thành phố Hà Nội 176.000 ha/335.980 ha (52,4%).

- *Tài nguyên nước mặt*: Hà Nội có hệ thống sông, hồ thuộc hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình, phân bố không đều giữa các vùng, có mật độ thay đổi trong phạm vi khá lớn. Một trong những nét đặc trưng của địa hình Hà Nội là có nhiều hồ, đầm tự nhiên. Hồ, đầm của Hà Nội đã tạo nên nhiều cảnh quan sinh thái đẹp cho thành phố, điều hòa khí hậu khu vực, rất có giá trị đối với du lịch, giải trí và nghỉ dưỡng. Tuy nhiên, do yêu cầu đô thị hóa và cũng do thiếu quy hoạch, quản lý kém, nên nhiều ao hồ đã bị san lấp để lấy đất xây dựng. Hà Nội không phải là vùng dồi dào nước mặt, nhưng có lượng nước chảy qua khổng lồ của sông Hồng, sông Cà Lồ có thể khai thác sử dụng.

2.3. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội

- Về dân số và lao động: Dân số của thành phố Hà Nội tính đến ngày 31/12/2022 là 8.435.600 người, chiếm 35,96% dân số của đồng bằng Sông Hồng (23.454.100 người) và chỉ sau thành phố Hồ Chí Minh (9.389.700 người), mật độ dân số 2.511 người/km², gấp 2,28 lần so với mật độ dân số của đồng bằng Sông Hồng (1.102 người/km²). Tuy nhiên, mật độ dân số phân bố không đều ở 12 quận, 1 thị xã và 18 huyện ngoại thành; ở những huyện ngoại thành như Ba Vì, Mỹ Đức, mật độ không tới 1.000 người/km². Về cơ cấu dân số, toàn thành phố Hà Nội có 4.138,5 người sống ở thành thị, chiếm 49,05% và 4.297.200 người sống ở nông thôn, chiếm 50,94% [3].

Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên có xu hướng tăng, cụ thể năm 2015: 4.005,2 nghìn người; năm 2018: 4.064,8 nghìn người; năm 2019: 4.118,3 nghìn người; năm 2020: 4.124,6 nghìn người; năm 2022: 4.011,7 nghìn người. Lực lượng lao động đã qua đào tạo tăng dần hàng năm; năm 2015 chiếm 43,8% thì đến năm 2021, 2022 đã tăng lên 50,3%, cao hơn đồng bằng Sông Hồng 37,1% và cao hơn cả nước 26,4%. Đây là tín hiệu tốt về nguồn nhân lực cung cấp cho các ngành của thành phố Hà Nội.

Số lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế của Hà Nội năm 2022: 3.928,7 nghìn người, chiếm tỷ lệ 97,9% so với lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên và chiếm 46,57% so với dân số (Bảng 1).

Bảng 1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo và có việc làm so với cả nước và đồng bằng Sông Hồng (ĐBSH) giai đoạn 2015 - 2022

| Năm | Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên (nghìn người) | | | Lực lượng lao động đã qua đào tạo (%) | | | Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên có việc làm trong nền kinh tế (nghìn người) | | |
|------|---|----------|----------|---------------------------------------|------|---------|---|----------|----------|
| | Hà Nội | ĐBSH | Cả nước | Hà Nội | ĐBSH | Cả nước | Hà Nội | ĐBSH | Cả nước |
| 2015 | 4.005,2 | 12.268,4 | 54.266,0 | 43,8 | 28,7 | 20,4 | 3.858,0 | 11.987,0 | 52.826,8 |
| 2018 | 4.064,8 | 12.345,1 | 55.388,0 | 42,0 | 29,6 | 22,0 | 4.098,9 | 12.284,1 | 54.282,5 |
| 2019 | 4.118,3 | 12.438,2 | 55.767,4 | 48,1 | 32,4 | 22,8 | 4.048,7 | 12.237,6 | 54.659,2 |
| 2020 | 4.124,6 | 12.182,1 | 54.842,9 | 48,5 | 32,6 | 24,1 | 4.042,6 | 11.958,4 | 53.608,6 |
| 2021 | 3.939,9 | 11.436,7 | 50.560,5 | 50,3 | 37,0 | 26,1 | 3.839,7 | 11.211,0 | 49.072,0 |
| 2022 | 4.011,7 | 11.637,9 | 51.704,5 | 50,3 | 37,1 | 26,4 | 3.928,7 | 11.435,7 | 50.604,7 |

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Nội, 2015 - 2022

- Về giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp: Trên địa bàn Hà Nội, hiện có 97 trường đại học, học viện và 307 cơ sở giáo dục nghề nghiệp có đăng ký hoạt động (gồm 69 trường cao đẳng, 59 trường trung cấp, 54 trung tâm giáo dục nghề nghiệp/dạy nghề và 125 doanh nghiệp, loại hình khác). Số lượng giảng viên các trường đại học, học viện tại Hà

Nội năm 2015: 23.611 người; năm 2017: 26.181 người; năm 2018: 25.369 người; năm 2019: 25.306 người và năm 2020: 26.292 người; số giáo viên giáo dục nghề nghiệp năm 2020: 11.176 người (trong đó 4.791 người thuộc trường công lập). Số lượng sinh viên đại học tại Hà Nội, năm 2015: 611.608 người; năm 2017: 588.931 người; năm 2018:

505.627 người; năm 2019: 556.008 người và năm 2020: 628.981 người; số lượng học sinh, sinh viên học các trường giáo dục nghề nghiệp tại Hà Nội năm 2022 là 251.500 người, trong đó, trung cấp: 27.900 người và cao đẳng: 33.700 người; sơ cấp và dưới 3 tháng: 189.900 người [3].

2.4. Về điều kiện kinh tế

- *Tăng trưởng kinh tế:* Kinh tế thành phố Hà Nội liên tục tăng trưởng với tốc độ khá, cơ cấu chuyển dịch theo hướng tích cực. Tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn (GRDP) giai đoạn 2009 - 2013 đạt bình quân 9,4%/năm; giai đoạn 2016 - 2022 tăng 6,83%/năm (gấp 1,15

lần mức tăng chung của cả nước). Quy mô GRDP năm 2022 theo giá hiện hành đạt 1.196 nghìn tỷ đồng, gấp 6,69 lần GRDP năm 2008 (178.605 tỷ), chiếm 12,57% GDP của cả nước (9.513,3 nghìn tỷ đồng) [3].

Năm 2022, tăng trưởng GRDP của thành phố đạt 8,89% so với năm 2021, vượt kế hoạch đề ra (7,0% - 7,5%) với quy mô 1.196 nghìn tỷ đồng và là mức tăng cao trong nhiều năm gần đây. GRDP bình quân đầu người đạt 141,8 triệu đồng, tăng 10,6% so với năm 2021. Tăng trưởng (GRDP các năm 2018 - 2021 lần lượt là: 7,25%; 7,72%; 4,18%; 2,92%) (Bảng 2).

Bảng 2. Tăng trưởng GRDP của Hà Nội giai đoạn 2016 - 2022

Đơn vị tính: %

| Tổng sản phẩm nội địa GRDP | Năm | | | | | | |
|---------------------------------|------|------|------|--------|------|------|-------|
| | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
| | 8,2 | 8,48 | 7,25 | 7,72 | 4,18 | 2,92 | 8,89 |
| Khu vực dịch vụ | 8,3 | 8,71 | 6,89 | 7,53 | 3,29 | 2,71 | 10,06 |
| Khu vực công nghiệp và xây dựng | 9,0 | 8,46 | 8,34 | 10,09 | 6,39 | 3,85 | 7,74 |
| <i>Trong đó: Công nghiệp</i> | 7,1 | 7,1 | 7,73 | 8,98 | 4,91 | 5,37 | 8,03 |
| Khu vực nông, lâm, thủy sản | 2,21 | 1,97 | 3,28 | - 0,54 | 4,02 | 3,46 | 2,58 |

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Nội, 2016 - 2022

- *Xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội:* Năm 2022, mặc dù chịu tác động tiêu cực bởi dịch Covid-19, xung đột tại Ukraine kéo dài và lạm phát cao ở nhiều quốc gia, trong đó, có những đối tác thương mại của Việt Nam, nhưng tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt trên 58 tỷ USD, tăng 14,9% so với năm 2021, trong đó, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 17,1 tỷ USD, tăng 10,3%; kim ngạch nhập khẩu hàng hóa đạt 40,9 tỷ USD, tăng 16,9% so với năm 2021 (năm 2021 tăng 20,6%). Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu

lớn là: hàng dệt, may; máy vi tính; hàng điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị phụ tùng; gỗ và sản phẩm từ gỗ; hàng nông sản; thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh; hàng gốm sứ; điện thoại và linh kiện... Một số mặt hàng nhập khẩu có giá trị lớn là máy móc thiết bị phụ tùng đạt 6.681 triệu USD; xăng dầu đạt 5.542 triệu USD; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện đạt 2.971 triệu USD; phương tiện vận tải và phụ tùng đạt 2.673 triệu USD; sản phẩm hóa chất đạt 1.196 triệu USD; hàng hóa khác đạt 12,8 tỷ USD [3] (Bảng 3).

Bảng 3. Kim ngạch xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội giai đoạn 2015 - 2022

| Năm | Xuất khẩu | | Nhập khẩu | |
|------|--------------------------------|---------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| | <i>Giá trị (triệu USD)</i> | <i>So với năm trước (%)</i> | <i>Giá trị (triệu USD)</i> | <i>So với năm trước (%)</i> |
| 2015 | 10475 | 2,5 | 25713 | 4,5 |
| 2016 | 10613 | 1,3 | 24833 | 0,8 |
| 2017 | 11779 | 10,3 | 29829 | 18,2 |
| 2018 | 23909 | 21,6 | 30977 | 8,2 |
| 2019 | 15695 | 20,3 | 31636 | 4,0 |
| 2020 | 15159 | 96,6 | 29029 | 91,8 |
| 2021 | 15489 | 102,2 | 35009 | 120,6 |
| 2022 | 17078 | 110,3 | 40928 | 116,9 |

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Nội 2015 - 2022

Qua Bảng 3, có thể thấy kim ngạch xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội đều tăng trưởng qua các năm. Điều này là tín hiệu tốt cho phát triển xuất, nhập khẩu hàng hóa - dịch vụ trong thời gian tới.

- *Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản:* Năm 2022, công tác chuyển đổi cơ cấu ngành trồng trọt theo hướng nâng cao hiệu quả sử dụng đất tạo năng suất, sản lượng, giá trị kinh tế cao được quan tâm chú trọng. Nhờ vậy, nông nghiệp tăng trưởng khá; năng suất, sản lượng nhiều sản phẩm chủ lực tăng, đảm bảo đủ nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, góp phần vào tăng trưởng chung của kinh tế cả nước và thúc đẩy tăng giá trị xuất khẩu.

- *Sản xuất công nghiệp:* Tính chung cả năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 8,8% so với năm 2021 (năm 2021 tăng 4,8%), trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9% tiếp tục giữ vai trò quan trọng trong tăng trưởng chung của ngành công nghiệp; sản xuất và phân phối điện tăng 6%; cung cấp nước và xử lý rác, nước thải tăng 8,9%; khai khoáng giảm 5,1%. Bình quân giai đoạn 2016 - 2019, tăng 9,15%. Năm 2020, do ảnh hưởng

của đại dịch Covid-19, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,48%; bình quân 5 năm 2016 - 2020 tăng 8,61%. Khu vực công nghiệp và xây dựng năm 2021 tăng 3,85% so với năm 2020, đóng góp 0,87 điểm % vào mức tăng GRDP, trong đó, ngành công nghiệp tăng 5,37%, đóng góp 0,75 điểm % [3].

2.5. Kết cấu hạ tầng logistics ảnh hưởng tới xuất, nhập khẩu

- *Thành phố Hà Nội là đầu mối giao thông của 5 tuyến đường sắt:* Hà Nội - Thành phố Hồ Chí Minh; Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Lạng Sơn và Hà Nội - Lào Cai có thể liên vận vận tải hàng hóa xuất, nhập khẩu sang Trung Quốc và các nước trên thế giới. Ngoài ra, Hà Nội còn có 2 tuyến đường sắt đô thị là Cát Linh - Hà Đông dài 13,05 km và Nhổn - Ga Hà Nội dài 12,5 km (8,5 km trên cao và 4 km ngầm). Hà Nội đang tập trung đầu tư phát triển đồng bộ, hiện đại hóa hạ tầng giao thông đô thị, tăng khả năng kết nối, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

- *Hạ tầng giao thông đường bộ của Hà Nội:* bao gồm các đường vành đai và trục hướng tâm với 11 tuyến, với tổng chiều dài trên 287 km, quy mô từ 4 - 6 làn xe; hiện đã có 8/11 tuyến được đầu tư

hình thành tương ứng 170,2 km. Trong đó, có 7 tuyến cao tốc hướng tâm gồm: Hà Nội - Hải Phòng; Hà Nội - Hạ Long; Hà Nội - Thái Nguyên; Hà Nội - Lạng Sơn; Hà Nội - Lào Cai; Láng - Hòa Lạc - Hòa Bình; Pháp Vân - Cầu Giẽ với tổng chiều dài 113,2 km. Cùng với 3 tuyến vành đai 2,3,4,5 có tổng chiều dài 129,5 km và tuyến quá cảnh cao tốc Tây Bắc - Quốc lộ 5 dài 35 km; trong đó, đã hoàn thành dự án đường vành đai 2 và 3, dự án đường vành đai 4 có chiều dài 112,8 km (điểm đầu nằm trên đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, điểm cuối nằm trên đường cao tốc Nội Bài - Hạ Long, đã bắt đầu khởi công ngày 25/6/2023. Trên địa bàn thành phố Hà Nội, có gần 4.000 km đường bộ, 10 đoạn tuyến quốc lộ qua Hà Nội với chiều dài 150 km.

- *Hệ thống đường thủy nội địa*: Trên địa bàn thành phố Hà Nội, có 8 con sông chảy qua, gồm Sông Hồng (158 km), sông Đà (32 km), sông Nhuệ (49 km), sông Đáy (38 km), sông Cà Lồ, sông Tích (55 km), sông Đuống và sông Bùi (26 km); trừ sông Tô Lịch nằm trong nội đô, các con sông còn lại đều chảy qua nhiều tỉnh thành khác của miền Bắc. Đây là điều kiện để phát triển giao thông vận tải thủy nội địa của Hà Nội [4].

- *Hệ thống cảng bến*: Trên địa bàn Hà Nội có 9 cảng sông, có hệ thống kho bãi và công trình phụ trợ; cảng Khuyển Lương, cảng Thanh Trì, cảng Chèm và bến Chương Dương, bến Bát Tràng, cảng Phù Đổng, cảng Đức Giang, cảng Sơn Tây, cảng Hồng Vân, cảng Vạn Điểm, cảng Chu Phan (Mê Linh). Ngoài ra, còn có 17 bến thủy nội địa và 58 bến khách ngang sông. Theo quy hoạch, sông Hồng là tuyến vận tải đường thủy cấp I, II, đoạn qua khu quy hoạch bố trí 6 cảng đường thủy nội địa gồm: 2 cảng

chính Hà Nội và Khuyển Lương; 4 cảng địa phương Chèm - Thượng Cát; Bắc Hà Nội, Thanh Trì và cảng Bát Tràng. Các cảng - bến thủy đóng vai trò quan trọng trong giao lưu phát triển kinh tế.

- *Đường hàng không*: Cửa khẩu Hàng không quốc tế Nội Bài, đầu mối giao thông quan trọng của vùng thủ đô, của cả nước và đang vươn tầm khu vực. Cảng Hàng không quốc tế Nội Bài với các tuyến chuyên chở hàng hóa xuất, nhập khẩu chính là Đông Bắc Á, Mỹ, châu Âu, ASEAN, châu Phi, Trung Quốc.

Với đòn bẩy giao thông, Hà Nội đã trở thành một trong những địa phương thu hút đầu tư mạnh mẽ nhất cả nước, nền kinh tế phát triển cả công - nông nghiệp, thương mại - dịch vụ, du lịch... có sức lan tỏa đến mọi miền đất nước.

2.6. Khu công nghiệp và trung tâm logistics

- *Là thủ đô của đất nước, Hà Nội là khu vực tập trung nhiều (trên 30) khu công nghiệp*: Khu công nghiệp Nội Bài thành lập theo Quyết định số 545/QĐ-TTg năm 1994 của Thủ tướng Chính phủ, với quy mô 114 ha; Khu công nghiệp Thạch Thất - Quốc Oai được thành lập theo Quyết định số 2500/2007/QĐ-UB ngày 21/12/2007 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tây (cũ), với diện tích 150,12 ha; Khu công nghiệp Thăng Long - Hà Nội được hình thành từ sự kiện liên kết giữa Nhật Bản Sumitomo và Công ty Cơ khí Đông Anh của Bộ Xây dựng được vận hành từ năm 1997, với diện tích 295 ha; Khu công nghiệp (KCN) Phú Nghĩa - Chương Mỹ, Hà Nội được hình thành từ năm 2008, với diện tích 170 ha; KCN Sài Đồng B được thành lập từ năm 1996, vận hành các lĩnh vực về: công nghiệp cơ khí, điện tử, ô tô, công nghiệp nhẹ và công nghiệp công nghệ cao, với

diện tích 96 ha thuộc quận Long Biên, rất thuận lợi cho giao thông đường bộ, đường sông, đường sắt và đường hàng không, nối liền tam giác kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh; KCN Công nghệ cao Sinh học - Hà Nội, với diện tích 200 ha tại quận Bắc Từ Liêm - Hà Nội; KCN Bắc Thường Tín - Hà Nội được vận hành vào năm 2007, với diện tích 112 ha; KCN Sóc Sơn - Hà Nội thành lập theo Quyết định số 2216/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, với diện tích 204 ha; KCN Đông Anh được thành lập năm 2021 theo Quyết định của UBND thành phố Hà Nội, với diện tích 470 ha; KCN Quang Minh - Hà Nội được thành lập năm 2004 theo Quyết định số 3742/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội tại huyện Mê Linh, Hà Nội, với diện tích 344 ha; KCN Trường An, tại An Khánh - Hoài Đức được thành lập theo Quyết định số 4754/QĐ-UBND ngày 20/7/2017 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội, với diện tích 10,85 ha; Khu Công nghệ cao Hòa Lạc nằm ở phía Tây Hà Nội, cách đường vành đai 3 thành phố Hà Nội 30 km về phía Tây, cách sân bay quốc tế Nội Bài 47 km và cảng Hải Phòng 130 km... Ngoài ra, thành phố Hà Nội còn rất nhiều KCN được hình thành ở các quận, huyện phía Bắc, phía Tây, phía Nam và phía Đông nội thành Hà Nội, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa Thủ đô. Các KCN, cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội đã góp phần thúc đẩy xuất, nhập khẩu của Thủ đô.

- *Trung tâm logistics*: UBND thành phố Hà Nội đã có quyết định chủ trương đầu tư: 01 Trung tâm logistics hạng I (Bắc Hà Nội); 01 Trung tâm logistics hạng II (Nam Hà Nội); 01 Trung tâm logistics chuyên dụng tại Cảng Hàng không Quốc tế Nội Bài; và 08 dự án

thành phố giới thiệu để nhà đầu tư nghiên cứu lập đề xuất dự án gồm: dự án Trung tâm logistics hạng I, quy mô 50 ha tại huyện Sóc Sơn; dự án Trung tâm logistics hạng II quy mô 22 ha tại đô thị Phú Xuyên; dự án Hệ thống kho lưu trữ và khai thác chia chọn hàng hóa tại Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì; dự án Trung tâm tiếp vận khu vực ga Bắc Hồng quy mô 10 ha tại huyện Đông Anh; dự án Kho Bãi xử Đồng Mô quy mô 7,8 ha tại Xứ Đồng, Đại Kim, quận Hoàng Mai; dự án Trung tâm tiếp vận phía Đông Bắc quy mô 10 ha tại ga Yên Viên, huyện Gia Lâm; dự án Trung tâm tiếp vận phía Tây quy mô 10 ha tại xã An Thượng, Hoài Đức; dự án Trung tâm tiếp vận phía Tây Nam quy mô 6,3 ha tại phường Phú Lương, quận Hà Đông. Như vậy, trong tương lai gần, Hà Nội trở thành một trung tâm lớn logistics của cả nước và khu vực với mục tiêu xây dựng ngành logistics số, xanh và hiện đại. Hiện nay, Hà Nội có 2 trung tâm logistics đang hoạt động: trung tâm logistics Hateco tại KCN Sài Đồng (quận Long Biên) quy mô 12ha; trung tâm logistics đường sắt Yên Viên tại huyện Gia Lâm và cảng cạn (ICD) Mỹ Đình.

2.7. Hệ thống doanh nghiệp và danh mục sản phẩm xuất, nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ của thành phố Hà Nội

Theo kết quả tổng điều tra kinh tế và điều tra cơ sở hành chính năm 2021, trên địa bàn thành phố Hà Nội có 144.741 doanh nghiệp (DN), tăng 31,4% so với tổng điều tra kinh tế năm 2017; 1.332 hợp tác xã, tăng 0,2%; 352.329 cơ sở sản xuất kinh doanh cá thể, giảm 5,2%; Doanh nghiệp trên địa bàn chủ yếu vẫn là các DNNVV, 96,8% là các doanh nghiệp ngoài Nhà nước, doanh nghiệp FDI chỉ có 2,9% (Bảng 4).

Bảng 4. Số doanh nghiệp đang hoạt động tại thời điểm 31/12 phân theo loại hình doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội

Đơn vị: Doanh nghiệp

| Loại hình Tổng số | Năm | | | | | | |
|---|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|----------------|
| | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 |
| | 103.625 | 11.1452 | 121.549 | 129.561 | 141.439 | 144.692 | 178.493 |
| 1. Khu vực DN nhà nước | 548 | 485 | 454 | 435 | 418 | 395 | - |
| Công ty TNHH nhà nước | 206 | 176 | 173 | 171 | 164 | 158 | - |
| Công ty CP có vốn nhà nước >50% | 314 | 292 | 269 | 253 | 245 | 237 | - |
| 2. Khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước | 100.976 | 108.498 | 118.421 | 126.157 | 137.265 | 140.158 | - |
| Tập thể | 1.131 | 1328 | 1292 | - | - | - | - |
| Tư nhân | 1.195 | 906 | 891 | 868 | 1.092 | 958 | - |
| Công ty hợp danh | 301 | 167 | 338 | 356 | 219 | 258 | - |
| Công ty TNHH | 54.468 | 57.692 | 66.062 | 71.162 | 77.907 | 80.016 | - |
| Công ty cổ phần có vốn Nhà nước ≤50% | 443 | 1.311 | 362 | 296 | 283 | 294 | - |
| Công ty cổ phần không có vốn Nhà nước | 44.569 | 16.761 | 50.768 | 53.475 | 57.764 | 58.632 | - |
| 3. Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài | 2.101 | 2.469 | 2.674 | 2.969 | 3.756 | 4.139 | - |
| DN 100% vốn nước ngoài | 1.659 | 1.915 | 2.119 | 2.472 | 3.168 | 3425 | - |
| DN liên doanh với nước ngoài | 442 | 551 | 555 | 497 | 588 | 714 | - |

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Nội, 2015 - 2022

Hiện nay, địa bàn thành phố Hà Nội có trên 2.500 doanh nghiệp tham gia xuất khẩu, chiếm 1,73% số doanh nghiệp của toàn thành phố. Tuy nhiên, cơ cấu thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu trên địa bàn thành phố đang chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và giảm dần tỷ trọng của khu vực kinh tế nhà nước. Bên cạnh đó, với khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước của Hà Nội chiếm tới 96,8% và nguồn lực, quy mô lao động của doanh nghiệp rất hạn chế, 78,8% số doanh nghiệp có quy mô lao động dưới 10 người, làm cho các sản phẩm sản xuất có kim ngạch xuất khẩu lớn là rất hạn chế, giá trị gia tăng thấp. Xuất khẩu vẫn còn phụ thuộc

nhều vào khối doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI).

- *Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu:* Nhóm hàng xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn của Hà Nội là hàng nông sản, hàng dệt may, máy vi tính, hàng điện tử, hàng gốm sứ, thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh và nhóm hàng máy móc, thiết bị phụ tùng. Các sản phẩm sản xuất có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới hoạt động xuất khẩu của Hà Nội lần lượt là các sản phẩm thuộc nhóm hàng nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng dệt may, giày dép, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, hàng gốm sứ, thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh, thiết bị điện tử và linh kiện, các mặt hàng gia công khác (Bảng 5).

Bảng 5. Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội 2015 - 2022

Đơn vị: Triệu USD

| Nhóm hàng | Năm | | | | | | | |
|-------------------------------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|---------------|
| | 2015 | 2016 | 2017 | 2018 | 2019 | 2020 | 2021 | 2022 |
| Tổng giá trị | 10.475 | 10.613 | 10.475 | 13.909 | 15.695 | 15.159 | 15.489 | 17.078 |
| Hàng nông sản | 1.056 | 1.178 | 1.181 | 1.209 | 909 | 851 | 777 | 871 |
| Hàng may, dệt | 1.635 | 1.541 | 1.570 | 1.876 | 2.133 | 1.843 | 2.221 | 2.570 |
| Giày dép và sản phẩm từ da | 242 | 234 | 235 | 241 | 270 | 247 | 372 | 541 |
| Máy tính, hàng điện tử và linh kiện | 2011 | 1.845 | 2.163 | 2.379 | 2.447 | 2.338 | 2.170 | 2.525 |
| Hàng gốm sứ | 116 | 173 | 185 | 156 | 193 | 214 | 226 | 217 |
| Xăng dầu (tạm nhập, tái xuất) | 533 | 499 | 645 | 1.490 | 1.365 | 590 | 685 | 1.258 |
| Máy móc, thiết bị phụ tùng | 1.211 | - | - | 1.753 | 1.787 | 1.626 | 1.983 | 2.015 |
| Thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh | 362 | - | - | 356 | 349 | 362 | 423 | 294 |
| Phương tiện vận tải và phụ tùng | 590 | - | - | 1.112 | 1.353 | 1.158 | 1.600 | 1.589 |
| Gỗ và sản phẩm gỗ | 354 | - | - | 527 | 498 | 536 | 591 | 883 |
| Điện thoại và linh kiện | 313 | - | - | 219 | 258 | 302 | 291 | 140 |
| Hàng khác | 2.052 | 5.195 | 5.689 | 2.581 | 4.133 | 5.092 | 3.990 | 4.175 |

Nguồn: Niên giám Thống kê Hà Nội, 2015 - 2022

Một số nhóm hàng chiếm tỉ trọng cao trong xuất khẩu hàng hóa ở Hà Nội: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện; Máy móc, thiết bị phụ tùng; Phương tiện vận tải và phụ tùng... đây là những mặt hàng được sản xuất, lắp ráp từ các nhà máy, doanh nghiệp trong các KCN, cụm công nghiệp trên địa bàn. Đây là thế mạnh của Hà Nội trong phát triển xuất khẩu hàng hóa.

Thị trường xuất nhập khẩu của Hà Nội đã ngày càng mở rộng, song, vẫn còn phụ thuộc vào một số thị trường chính: Trung Quốc chiếm hơn 31% tổng kim ngạch nhập khẩu; Hoa Kỳ chiếm 20,5% tổng kim ngạch xuất khẩu; các nước EU chiếm 11,2% tổng kim ngạch xuất khẩu; Hàn Quốc chiếm hơn 10%;

Nhật Bản khoảng 9%; Thái Lan chiếm hơn 5%; UAE và Hồng Kông (Trung Quốc). Xuất nhập khẩu của Hà Nội vẫn bị ảnh hưởng bởi năng lực hạn chế trong quản lý chuỗi cung ứng nên khả năng thâm nhập thị trường chưa tốt. Nếu không sớm được khắc phục thì Hà Nội khó lòng cải thiện vị trí trong thời gian tới, chưa nói sẽ bị các thành phố và địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Bắc Ninh, Bình Dương, Thái Nguyên và các tỉnh trong khu vực đồng bằng sông Hồng bỏ xa Hà Nội về kim ngạch xuất khẩu.

3. Đánh giá khái quát về điều kiện phát triển xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội

3.1. Những thuận lợi

3.1.1. Về điều kiện tự nhiên

Thành phố Hà Nội có vị trí thuận lợi, nằm ở phía Tây Bắc vùng đồng bằng sông Hồng, tiếp giáp với các tỉnh: Thái Nguyên, Vĩnh Phúc ở phía Bắc; Hà Nam, Hòa Bình ở phía Nam; Bắc Ninh và Hưng Yên phía Đông; Hòa Bình cùng Phú Thọ ở phía Tây. Các tỉnh lân cận và trong vùng đều là những nơi có các KCN, khu chế xuất lớn tập trung các công ty sản xuất nước ngoài như Honda, Toyota, Panasonic, Canon, Samsung... Hà Nội có một vị trí rất tốt để phát triển kinh tế, phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa.

Hà Nội nằm ở vị trí có đường giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường hàng không thuận tiện tỏa đi các tỉnh, thành phố trong cả nước, khu vực và quốc tế.

Hà Nội - cực tăng trưởng vùng động lực phía Bắc, nằm trong vùng tam giác Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, hành lang kinh tế Bắc - Nam, hành lang kinh tế Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh. Đây là lợi thế đặc biệt của thành phố Hà Nội kết nối với các cảng biển lớn, sân bay quốc tế, cửa khẩu quốc tế để phát triển xuất nhập khẩu [5].

3.1.2. Điều kiện kinh tế - xã hội

Cùng với lợi thế là thủ đô và là trung tâm kinh tế - chính trị - văn hóa của đất nước, Hà Nội được hưởng các cơ chế chính sách đặc thù theo Luật Thủ đô (2012); kinh tế phát triển và thu hút đầu tư vào thành phố ngày một tăng; đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, khoa học - công nghệ, hạ tầng logistics và tập trung nguồn nhân lực. Đặc biệt, hệ

thống logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội đã có những đóng góp quan trọng, tạo điều kiện thuận lợi cho thương mại, sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa.

3.1.3. Về hệ thống doanh nghiệp và hàng hóa xuất, nhập khẩu

Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất, nhập khẩu đến nay có trên 2.500 doanh nghiệp và có xu hướng ngày một gia tăng, các doanh nghiệp hoạt động xuất nhập khẩu liên tục phát triển và đa dạng hóa về quy mô loại hình doanh nghiệp, góp phần phát triển xuất, nhập khẩu cho thành phố Hà Nội.

Nhóm hàng xuất khẩu chủ yếu của Hà Nội là hàng nông sản, hàng dệt may, máy vi tính, hàng điện tử, hàng gốm sứ, thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh và nhóm hàng máy móc, thiết bị phụ tùng. Đây là thế mạnh của Hà Nội trong phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa.

3.1.4. Về kết cấu hạ tầng logistics phục vụ xuất nhập khẩu

Hạ tầng giao thông đường bộ bao gồm các đường vành đai 2, 3 và trục hướng tâm với 11 tuyến, với tổng chiều dài trên 287 km, quy mô từ 4 - 6 làn xe; hiện đã có 8/11 tuyến được đầu tư hình thành tương ứng 170,2 km. Trên địa bàn thành phố Hà Nội có gần 4.000 km đường bộ, 10 đoạn tuyến quốc lộ qua Hà Nội với chiều dài 150 km.

Các trung tâm logistics đang hoạt động: Trung tâm logistics Hateco tại KCN Sài Đồng (quận Long Biên) quy mô 12 ha; Trung tâm logistics đường sắt Yên Viên tại huyện Gia Lâm và cảng cạn (ICD) Mỹ Đình. Đây là điều kiện thuận lợi cho xuất nhập khẩu của thành phố Hà Nội.

3.2. Những khó khăn

3.2.1. Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, khoa học - công nghệ

Mặc dù hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, khoa học - công nghệ được đầu tư đáng kể, tuy nhiên, trong bối cảnh chuyển đổi số, kinh tế số, phát triển nền kinh tế xanh sạch, bền vững, tuần hoàn thì cơ sở hạ tầng chưa tương xứng với tiềm năng và mục tiêu phát triển kinh tế, phát triển xuất nhập khẩu của thành phố Hà Nội. Hạ tầng giao thông - logistics thiếu sự liên kết, kết nối; ùn tắc giao thông thường xảy ra trên các giao thông lớn nối các tỉnh lân cận với thành phố, tại các tuyến đường chính nội đô và khu vực cảng, ga tàu, sân bay.

3.2.2. Hệ thống các doanh nghiệp và mặt hàng xuất khẩu

Hệ thống các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp, doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn thuộc loại quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực tài chính hạn chế. Theo đó, thực hiện việc đổi mới quy trình sản xuất, khoa học - công nghệ, chuyển đổi số gặp khó khăn.

Hàng nông sản vẫn là mặt hàng xuất khẩu thế mạnh hàng đầu của Hà Nội, song vẫn chưa thể ghi dấu ấn thương hiệu riêng cho các sản phẩm nông sản của mình. Sản xuất nông nghiệp nhỏ lẻ; năng lực chế biến thực phẩm yếu là những rào cản khiến kim ngạch xuất khẩu nông sản của Hà Nội chưa tương xứng với tiềm năng.

Hàng dệt may, máy tính, hàng điện tử và linh kiện là những mặt hàng xuất khẩu chủ lực và có kim ngạch xuất khẩu lớn của thành phố Hà Nội, nhưng

vẫn chưa phát triển ngành sản xuất này tương xứng với tiềm năng phát triển.

Các doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất nhập khẩu và doanh nghiệp xuất nhập khẩu trên địa bàn chưa gắn kết để hình thành những cộng đồng nhóm doanh nghiệp hay những doanh nghiệp chủ đạo, doanh nghiệp vệ tinh. Sự liên kết giữa các Hiệp hội doanh nghiệp kinh doanh ngành hàng, xuất nhập khẩu vẫn thiếu kết nối khăng khít.

4. Một số vấn đề đặt ra với xuất, nhập khẩu hàng hóa của thành phố Hà Nội đến năm 2030

4.1. Về khai thác tiềm năng xuất nhập khẩu

Với mục tiêu tăng trưởng xuất khẩu giai đoạn 2023 - 2025 đạt 4,4% - 5%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 đạt tăng trưởng 5,1% - 5,5% [6], vấn đề là cần tận dụng, khai thác lợi thế tiềm năng xuất nhập khẩu của thành phố Hà Nội.

Hiện nay, các mặt hàng có hàm lượng công nghệ cao quy mô xuất khẩu nhỏ, chưa tương xứng với tiềm năng và vị thế của thành phố Hà Nội. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của Hà Nội so với cả nước trong những năm gần đây (2021 - 2022) không cao; tăng trưởng xuất khẩu đứng thứ 8 trong nhóm 10 tỉnh thành phố có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất cả nước thời gian gần đây. Kim ngạch xuất khẩu của thành phố Hà Nội năm 2021 (15.498,9 triệu USD) chiếm 4,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; năm 2022, kim ngạch xuất khẩu của thành phố Hà Nội đạt 17.131,3 triệu USD chiếm 4,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước (Bảng 6).

Bảng 6. Kim ngạch xuất khẩu của Hà Nội trong nhóm 10 tỉnh, thành phố có giá trị xuất khẩu cao của cả nước năm 2021 - 2022

| Tên địa phương | Năm 2021 | | | Năm 2022 | | | Tăng/giảm (%) |
|--------------------|---------------------|--------------|----------|---------------------|--------------|----------|---------------|
| | Giá trị (Triệu USD) | Tỷ trọng (%) | Thứ hạng | Giá trị (Triệu USD) | Tỷ trọng (%) | Thứ hạng | |
| Cả nước | 336.167 | | | 371.305 | | | 10,5 |
| 1. TP. Hồ Chí Minh | 44.881,4 | 13,4 | 1 | 47.545,5 | 12,8 | 1 | 5,9 |
| 2. Bắc Ninh | 44.838,5 | 13,3 | 2 | 45.062,9 | 12,1 | 2 | 0,5 |
| 3. Bình Dương | 32.740,3 | 9,7 | 3 | 34.332,3 | 9,2 | 3 | 4,9 |
| 4. Thái Nguyên | 29.092,4 | 8,7 | 4 | 29.880,8 | 8,0 | 4 | 2,7 |
| 5. Hải Phòng | 23.790,7 | 7,1 | 5 | 24.956,9 | 6,7 | 5 | 4,9 |
| 6. Đồng Nai | 21.760,3 | 6,5 | 6 | 24.600,0 | 6,6 | 6 | 13,0 |
| 7. Bắc Giang | 16.101,6 | 4,8 | 7 | 22.628,5 | 6,1 | 7 | 40,5 |
| 8. Hà Nội | 15.498,9 | 4,6 | 8 | 17.131,3 | 4,6 | 8 | 10,5 |
| 9. Phú Thọ | 8.249,7 | 2,5 | 10 | 11.800,3 | 3,2 | 9 | 43,0 |
| 10. Hải Dương | 9.977,0 | 3,0 | 9 | 10.461,1 | 2,8 | 10 | 4,9 |

Nguồn: Báo cáo xuất nhập khẩu Việt Nam 2022, Bộ Công thương

4.2. Vấn đề thị trường xuất, nhập khẩu và hàng hóa xuất khẩu

Vấn đề thị trường xuất nhập khẩu dài hạn đến năm 2030 cần đẩy mạnh phát triển đa dạng hóa thị trường; không lệ thuộc quá lớn vào một số thị trường và giảm thiểu tiêu cực từ xung đột thương mại.

Các loại hàng hóa xuất khẩu của thành phố Hà Nội còn đơn điệu, ít xuất hiện những mặt hàng mới có giá trị gia tăng cao và đóng góp kim ngạch xuất khẩu lớn; các mặt hàng có giá trị gia tăng cao chiếm tỷ trọng thấp (kim ngạch xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào các mặt hàng nông sản xuất khẩu thô là chủ yếu, trong khi các mặt hàng công nghiệp như dệt may, da giày, điện tử và linh kiện máy tính... phần lớn vẫn là gia công, lắp ráp).

4.3. Vấn đề phát triển sản xuất, tạo nguồn cung bền vững cho hàng hóa xuất khẩu

Doanh nghiệp sản xuất hàng hóa xuất khẩu của thành phố Hà Nội quy mô nhỏ, chưa chủ động và nhiều hạn chế

trong nâng cao năng lực cạnh tranh như: hạn chế về kiến thức hội nhập và kinh nghiệm kinh doanh thương mại quốc tế, chưa có chiến lược kinh doanh, xuất khẩu dài hạn; thiếu tính liên kết, hợp tác trong công việc, nhiều khi còn cạnh tranh nhau thiếu lành mạnh.

Tốc độ tăng trưởng xuất khẩu chưa cao và thiếu tính bền vững, không đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra; chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu theo hướng công nghệ cao còn chậm; tăng trưởng xuất khẩu vẫn chủ yếu là tăng trưởng theo chiều rộng, trong đó, hàng hóa sử dụng tài nguyên thiên nhiên và sức lao động giản đơn vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu hàng xuất khẩu; tăng trưởng xuất khẩu theo chiều sâu còn hạn chế, chưa tạo ra được những mặt hàng chủ lực; có giá trị gia tăng cao và giá trị nội địa lớn. Vấn đề ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới vào sản xuất hàng hóa xuất khẩu tạo ra các sản phẩm chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu, tiêu chuẩn thị trường quốc tế cần được

coi là vấn đề cấp bách và lâu dài đến năm 2030.

4.4. Vấn đề xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường mới và thương hiệu hàng hóa

Hiện nay, thành phố Hà Nội vẫn còn thiếu cơ quan tìm hiểu thông tin thị trường nước ngoài và có những hạn chế nhất định trong việc kết nối doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp nước ngoài. Xuất nhập khẩu của Hà Nội vẫn bị ảnh hưởng bởi năng lực hạn chế trong quản lý và phát triển cung ứng nên khả năng thâm nhập thị trường chưa tốt.

Vấn đề xúc tiến thương mại cần đa dạng hóa hình thức nhằm hỗ trợ doanh nghiệp duy trì, khai thác hiệu quả hơn các thị trường truyền thống như: Mỹ, EU, Trung Quốc, ASEAN và Nhật Bản. Tìm kiếm cơ hội mở rộng thị trường tiềm năng: Nam Mỹ, châu Phi, châu Đại Dương, Trung Đông.

4.5. Vấn đề logistics đối với phát triển xuất nhập khẩu

Hệ thống logistics của thành phố Hà Nội hoạt động đạt kết quả khá. Tuy nhiên, logistics trong thời gian qua đã bộc lộ nhiều yếu kém, các dịch vụ cung cấp cho khách hàng chưa tổng thể, mà mới chủ yếu dừng ở khâu vận chuyển hàng hóa, dẫn đến việc tăng chi phí, giảm khả năng cạnh tranh các sản phẩm của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp logistics (LSP) trên địa bàn còn hạn chế về quy mô, chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa; hoạt động lại thiếu tính kết nối nên chi phí cao và năng lực cạnh tranh yếu.

Vẫn còn nhiều doanh nghiệp chưa có nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của chuyển đổi số logistics là nhu cầu tất yếu và là điều kiện để quản lý chuỗi cung ứng - chuỗi giá trị đạt hiệu quả.

Logistics là cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế - phát triển xuất nhập khẩu đem lại giá trị gia tăng cao, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp và của toàn nền kinh tế thành phố Hà Nội và của cả nước.

Từ những vấn đề trên, để phát triển hoạt động logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội, cần có nhận thức, tư duy logistics trong sản xuất, xuất nhập khẩu hàng hóa, cụ thể:

- Coi logistics là dịch vụ cơ sở hạ tầng mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế của thành phố Hà Nội nói chung, là yếu tố động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa. Phát huy tốt đa lợi thế của thành phố Hà Nội để phát triển logistics, đa dạng về quy mô, hình thức dịch vụ, loại hình doanh nghiệp logistics, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp và của thành phố Hà Nội.

- Phát triển nhanh logistics số, logistics xanh là mắt xích quan trọng trong việc “xanh hóa” chuỗi cung ứng, nhằm thúc đẩy xuất nhập khẩu phát triển bền vững. Logistics tham gia tích cực vào hỗ trợ sản xuất, lưu thông hàng hóa xuất, nhập khẩu với những tiêu chí xanh hướng tới phát triển bền vững. Thành phố Hà Nội cần có nhiều doanh nghiệp, ngành nghề sản xuất, xuất nhập khẩu tham gia Chương trình “Hộ chiếu logistics thế giới - World Logistics Passport (WLP)”, mạng lưới thương mại đa phương, hướng tới hoạt động thương mại qua biên giới êm thuận, tạo thuận lợi cho dòng chảy thương mại xuất nhập khẩu, tiết kiệm chi phí, thời gian và mở ra cơ hội tiếp cận thị trường mới, gỡ được rào cản hành trình chuỗi cung ứng và logistics, tăng cường xuất

nhập khẩu đa dạng giữa các Hub. Tận dụng việc WLP đã bổ sung Việt Nam vào danh sách các trung tâm logistics và thương mại của khu vực (Hub), thành phố Hà Nội cần nghiên cứu để chủ động tham gia WLP đem đến nhiều lợi ích cho thúc đẩy xuất nhập khẩu trong giai đoạn đến năm 2030.

- Phát triển cơ sở hạ tầng logistics, đặc biệt là các trung tâm logistics kết nối đồng bộ với hệ thống giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy, đường biển và đường hàng không, tạo lợi thế cho phát triển logistics, thúc đẩy xuất nhập khẩu hàng hóa, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho các doanh nghiệp và thành phố Hà Nội.

- Đồng thời với việc xây dựng phát triển hạ tầng logistics, các trung tâm logistics theo tiêu chí hạng I và hạng II và cấp tỉnh, thành phố đã được phê duyệt. Đặc biệt, quan tâm phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng logistics, hệ thống kho bao gồm cả hệ thống kho lạnh đảm bảo đủ lưu trữ hàng hóa cho xuất nhập khẩu.

- Nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ logistics, đa dạng hóa các dịch vụ logistics, phát triển các dịch vụ giá trị gia tăng như: gom hàng, đóng gói, bao bì, phân loại hàng hóa, phân phối hàng hóa đến đúng địa điểm tiếp nhận.

- Tăng cường kết nối giữa Hiệp hội

Logistics Hà Nội (HLA) với các Hiệp hội ngành hàng, nhằm tăng cường kết nối các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ logistics với các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, tạo thành mối liên kết chặt chẽ trong chuỗi cung ứng hàng hóa xuất nhập khẩu.

5. Kết luận

Để thúc đẩy xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội tăng trưởng đạt 4,4% - 5%/năm và giai đoạn 2026 - 2030 đạt tăng trưởng 5,1% - 5,5%, với những vấn đề được đặt ra là cần tận dụng, khai thác lợi thế tiềm năng xuất nhập khẩu của thành phố Hà Nội. Tuy nhiên, để thúc đẩy xuất, nhập khẩu của thành phố Hà Nội đến năm 2030, cần triển khai, thực hiện và kiểm tra giám sát ở tất cả các khâu, các lĩnh vực trên góc độ logistics. Mọi cấp, mọi ngành của thành phố Hà Nội cần có tư duy logistics từ việc đề ra cơ chế, chính sách (đặc biệt khi Luật Thủ đô sửa đổi được Quốc hội thông qua) sẽ là bước đột phá sáng tạo của Hà Nội để đưa ra các quyết sách logistics xanh - thương mại - hạ tầng giao thông - công nghệ thông tin. Coi logistics là dịch vụ cơ sở hạ tầng mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế của thành phố Hà Nội nói chung, là yếu tố động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; phát triển xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Chính trị (2022). *Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 15/12/2022 về phương hướng, nhiệm vụ phát triển Thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.
- [2]. Cục Thống kê Hà Nội. *Tình hình kinh tế - xã hội Thủ đô Hà Nội qua 60 năm*.
- [3]. Cục Thống kê Hà Nội (2022). *Báo cáo số 711/BC-CTK ngày 26/12/2022 của Cục Thống kê Hà Nội, Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội quý 4 và năm 2022*.
- [4]. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2018). *Quyết định số 814/QĐ-UBND ngày 13/02/2018 của UBND Thành phố Hà Nội về phê duyệt Đề án “Quản lý và phát triển hoạt động logistics trên địa bàn thành phố Hà Nội đến năm 2025”*.

[5]. Chính phủ (2023). *Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 25/10/2022 về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.*

[6]. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội (2023). *Quyết định số 1886/KH-UBND ngày 30/3/2023 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030 của thành phố Hà Nội.*

[7]. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 493/QĐ-TTg ngày 19/4/2022 về phê duyệt Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030.*

[8]. Thủ tướng Chính phủ (2022). *Quyết định số 1445/QĐ-TTg ngày 19/11/2022 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa đến năm 2030.*